

Số: 4069 QĐ-ĐHYHN

Hà Nội, ngày 30 tháng 9 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận trúng tuyển trình độ Thạc sĩ

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 4868/QĐ-BYT ngày 17 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của trường Đại học Y Hà Nội;

Căn cứ Thông tư 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ Thạc sĩ;

Căn cứ biên bản họp Hội đồng tuyển sinh xét trúng tuyển sau đại học năm 2020 ngày 28/09/2020;

Theo đề nghị của Hội đồng tuyển sinh Sau đại học năm 2020 và Trưởng phòng Quản lý Đào tạo sau đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận trúng tuyển trình độ Thạc sĩ năm 2020 của trường Đại học Y Hà Nội cho 583 (năm trăm tám mươi ba) thí sinh trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Các học viên có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ và được hưởng các quyền lợi theo qui chế đào tạo Thạc sĩ hiện hành.

Điều 3. Trưởng phòng SDH, HC, TCKT, CNTT&TT, Thư viện, CTHVSV&KTX, Trưởng các Viện/Khoa/Bộ môn và các cá nhân có tên trong điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ GD&ĐT để báo cáo;
- Hiệu trưởng để thông báo;
- Lưu VT, SDH.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Đoàn Quốc Hưng

Phụ lục
Danh sách trúng tuyển Thạc sĩ năm 2020
của Trường Đại học Y Hà Nội
(Kèm Quyết định số 4060 /QĐ-ĐHYHN ngày 30 tháng năm 2020

TT	Họ tên	Ngày sinh	Ngành/Chuyên ngành	Mã ngành
1	ĐÀO QUANG ANH	15/07/1992	ĐQ&YHHN (Chẩn đoán hình ảnh)	8720111
2	VŨ HẢI ĐĂNG	19/08/1991	ĐQ&YHHN (Chẩn đoán hình ảnh)	8720111
3	ĐẶNG THỊ HỒNG GIANG	06/07/1990	ĐQ&YHHN (Chẩn đoán hình ảnh)	8720111
4	ĐỖ HẢI HÀ	21/10/1992	ĐQ&YHHN (Chẩn đoán hình ảnh)	8720111
5	NGUYỄN THỊ HẰNG	16/01/1993	ĐQ&YHHN (Chẩn đoán hình ảnh)	8720111
6	VŨ THỊ HÂN	04/08/1990	ĐQ&YHHN (Chẩn đoán hình ảnh)	8720111
7	VŨ THỊ HOA	08/07/1988	ĐQ&YHHN (Chẩn đoán hình ảnh)	8720111
8	CẨM MẠNH HÙNG	10/02/1991	ĐQ&YHHN (Chẩn đoán hình ảnh)	8720111
9	VŨ TRỌNG HUY	25/09/1993	ĐQ&YHHN (Chẩn đoán hình ảnh)	8720111
10	VŨ THỊ THANH HƯƠNG	10/07/1991	ĐQ&YHHN (Chẩn đoán hình ảnh)	8720111
11	DƯƠNG ĐỨC HỮU	17/10/1992	ĐQ&YHHN (Chẩn đoán hình ảnh)	8720111
12	ĐỖ THỊ PHƯƠNG LIÊN	16/11/1983	ĐQ&YHHN (Chẩn đoán hình ảnh)	8720111
13	HÀ THỊ LOAN	07/07/1987	ĐQ&YHHN (Chẩn đoán hình ảnh)	8720111
14	ĐÀO VĂN LÝ	13/09/1990	ĐQ&YHHN (Chẩn đoán hình ảnh)	8720111
15	LÊ ĐỨC NAM	09/11/1989	ĐQ&YHHN (Chẩn đoán hình ảnh)	8720111
16	NGUYỄN THỊ MINH NGỌC	23/08/1988	ĐQ&YHHN (Chẩn đoán hình ảnh)	8720111
17	THÂN THỊ MINH NGUYỆT	11/12/1991	ĐQ&YHHN (Chẩn đoán hình ảnh)	8720111
18	PHAN THỊ LAN PHƯƠNG	08/09/1984	ĐQ&YHHN (Chẩn đoán hình ảnh)	8720111
19	NGUYỄN NGỌC SƠN	28/07/1990	ĐQ&YHHN (Chẩn đoán hình ảnh)	8720111
20	NGO VĂN THỌ	04/11/1986	ĐQ&YHHN (Chẩn đoán hình ảnh)	8720111
21	TRẦN THỊ THÚY	06/12/1990	ĐQ&YHHN (Chẩn đoán hình ảnh)	8720111
22	VŨ QUANG TIỆP	16/10/1987	ĐQ&YHHN (Chẩn đoán hình ảnh)	8720111
23	ĐỖ MINH TRÍ	24/12/1992	ĐQ&YHHN (Chẩn đoán hình ảnh)	8720111
24	ĐỖ HOÀNG TRỌNG	15/11/1992	ĐQ&YHHN (Chẩn đoán hình ảnh)	8720111
25	LÊ HỮU TÝ	10/10/1989	ĐQ&YHHN (Chẩn đoán hình ảnh)	8720111
26	ĐẶNG TÚ ANH	19/08/1994	Nội khoa (Da liễu)	8720107
27	PHÙNG THỊ CHUYỀN	14/02/1990	Nội khoa (Da liễu)	8720107
28	PHẠM THỊ THU HẰNG	09/11/1989	Nội khoa (Da liễu)	8720107
29	NGÔ THỊ HIỀN	08/11/1992	Nội khoa (Da liễu)	8720107
30	PHẠM THỊ KIỀU LOAN	21/07/1992	Nội khoa (Da liễu)	8720107
31	NGUYỄN THANH SƠN	07/03/1986	Nội khoa (Da liễu)	8720107
32	NGUYỄN THỊ KIM TIỀN	15/10/1993	Nội khoa (Da liễu)	8720107
33	TRIỆU THỊ HUYỀN TRANG	02/02/1989	Nội khoa (Da liễu)	8720107
34	TRẦN THÚY TRANG	16/04/1989	Nội khoa (Da liễu)	8720107
35	DƯƠNG THU HIỀN	14/05/1989	Nội khoa (Dị ứng - MDLS)	8720107
36	NGUYỄN THỊ VĂN ANH	01/11/1990	Điều dưỡng	8720301
37	NGUYỄN MINH CHÂU	25/01/1985	Điều dưỡng	8720301
38	NGÔ MẠNH CƯỜNG	09/10/1980	Điều dưỡng	8720301

TT	Họ tên	Ngày sinh	Ngành/Chuyên ngành	Mã ngành
39	DƯƠNG THỊ DUNG	26/07/1993	Điều dưỡng	8720301
40	HÀ THỊ GIANG	29/03/1993	Điều dưỡng	8720301
41	HOÀNG THỊ GIANG	08/07/1994	Điều dưỡng	8720301
42	NGUYỄN THỊ HẢO	23/11/1990	Điều dưỡng	8720301
43	TRẦN THỊ HẬU	06/05/1991	Điều dưỡng	8720301
44	ĐINH THỊ THANH HUỆ	04/08/1991	Điều dưỡng	8720301
45	LÊ CHÍ HUY	06/12/1983	Điều dưỡng	8720301
46	HÀ THỊ MAI HƯƠNG	05/02/1987	Điều dưỡng	8720301
47	LƯƠNG THỊ MAI HƯƠNG	08/12/1988	Điều dưỡng	8720301
48	HOÀNG NGỌC KHÁNH	01/10/1989	Điều dưỡng	8720301
49	ĐỖ THỊ KIM LIÊN	20/11/1992	Điều dưỡng	8720301
50	ĐINH THỊ PHƯƠNG LIÊN	12/10/1979	Điều dưỡng	8720301
51	HOÀNG THỊ THUYẾT LINH	07/10/1982	Điều dưỡng	8720301
52	TRẦN THỊ HIỀN LĨNH	20/11/1982	Điều dưỡng	8720301
53	NIÊN THỊ THIÊN MỸ	08/08/1996	Điều dưỡng	8720301
54	DOÃN THỊ NGÀ	25/11/1993	Điều dưỡng	8720301
55	NGÔ THỊ MINH NGỌC	16/07/1985	Điều dưỡng	8720301
56	TRẦN XUÂN NGỌC	14/05/1991	Điều dưỡng	8720301
57	TRẦN THỊ NGUYỆT	25/06/1986	Điều dưỡng	8720301
58	NGUYỄN THỊ THANH NHIỆM	24/02/1986	Điều dưỡng	8720301
59	LƯƠNG THỊ NHUNG	25/11/1990	Điều dưỡng	8720301
60	NGUYỄN THỊ QUỲNH NHƯ	19/05/1992	Điều dưỡng	8720301
61	NGUYỄN THỊ NHƯ	31/10/1990	Điều dưỡng	8720301
62	ĐỖ THỊ KIM OANH	22/07/1989	Điều dưỡng	8720301
63	NGUYỄN THỊ KIM OANH	26/04/1996	Điều dưỡng	8720301
64	TRẦN THỊ KIM OANH	05/12/1987	Điều dưỡng	8720301
65	TRẦN THỊ THANH	30/10/1990	Điều dưỡng	8720301
66	ĐOÀN THỊ PHƯƠNG THẢO	29/10/1982	Điều dưỡng	8720301
67	PHẠM THỊ THƠM	18/09/1983	Điều dưỡng	8720301
68	NGUYỄN THỊ THUYẾT	10/08/1988	Điều dưỡng	8720301
69	NGUYỄN THỊ THỦY	27/07/1994	Điều dưỡng	8720301
70	NGÔ THỊ THỦY	12/08/1993	Điều dưỡng	8720301
71	LÊ THỊ TRANG	25/10/1990	Điều dưỡng	8720301
72	HOÀNG ANH TÚ	30/09/1986	Điều dưỡng	8720301
73	ĐỖ THỊ ÁNH TUYẾT	10/03/1989	Điều dưỡng	8720301
74	NGUYỄN TÚ UYÊN	24/03/1993	Điều dưỡng	8720301
75	NGÔ ANH VĂN	04/01/1975	Điều dưỡng	8720301
76	PHẠM THỊ VUI	18/06/1991	Điều dưỡng	8720301
77	PHẠM THỊ KIM ANH	18/09/1993	Dinh dưỡng	8720401
78	PHẠM MINH CHÂU	02/02/1994	Dinh dưỡng	8720401
79	NGUYỄN THỊ DUNG	02/11/1990	Dinh dưỡng	8720401
80	LÊ ĐỨC DŨNG	12/10/1998	Dinh dưỡng	8720401
81	NGUYỄN THỊ DUYÊN	02/10/1997	Dinh dưỡng	8720401

TT	Họ tên	Ngày sinh	Ngành/Chuyên ngành	Mã ngành
82	PHAN THỊ ĐỊNH	06/07/1986	Dinh dưỡng	8720401
83	BÙI THU HÀ	18/10/1991	Dinh dưỡng	8720401
84	LÊ THỊ HẠNH	14/09/1995	Dinh dưỡng	8720401
85	NGUYỄN THỊ THU HẰNG	06/08/1982	Dinh dưỡng	8720401
86	LÊ THỊ HIỀN	06/06/1984	Dinh dưỡng	8720401
87	LÊ THỊ HIỆP	02/08/1989	Dinh dưỡng	8720401
88	NGUYỄN THỊ HOA	25/10/1983	Dinh dưỡng	8720401
89	ĐÀO THỊ THU HỒNG	04/03/1993	Dinh dưỡng	8720401
90	TRẦN THỊ LAN HƯƠNG	27/08/1980	Dinh dưỡng	8720401
91	LÊ THỊ HƯƠNG	25/05/1996	Dinh dưỡng	8720401
92	LÊ THỊ THU HƯỜNG	07/01/1990	Dinh dưỡng	8720401
93	TRƯƠNG THỊ THU HƯỜNG	30/10/1984	Dinh dưỡng	8720401
94	DƯƠNG DUY KHÁNH	24/02/1985	Dinh dưỡng	8720401
95	NGUYỄN THỊ THU LIÊU	15/08/1988	Dinh dưỡng	8720401
96	NGUYỄN THỊ LOAN	20/06/1995	Dinh dưỡng	8720401
97	NGUYỄN THỊ LOAN	20/08/1988	Dinh dưỡng	8720401
98	NGUYỄN THỊ NHƯ LY	29/07/1993	Dinh dưỡng	8720401
99	HÀ THANH MINH	27/10/1998	Dinh dưỡng	8720401
100	LÊ THỊ DIỄM MY	13/08/1989	Dinh dưỡng	8720401
101	VŨ NGUYỄN HUYỀN NGÀ	01/11/1994	Dinh dưỡng	8720401
102	VŨ TRUNG NGHĨA	03/12/1994	Dinh dưỡng	8720401
103	TRẦN THỊ YẾN NGỌC	30/09/1995	Dinh dưỡng	8720401
104	PHẠM TRẦN THIÊN NHÂN	09/10/1994	Dinh dưỡng	8720401
105	PHẠM THỊ OANH	31/10/1996	Dinh dưỡng	8720401
106	TRẦN THỊ LAN PHƯƠNG	01/07/1991	Dinh dưỡng	8720401
107	DƯƠNG THỊ PHƯỢNG	17/06/1991	Dinh dưỡng	8720401
108	VŨ VĂN QUYẾT	26/05/1991	Dinh dưỡng	8720401
109	PHAN THỊ THANH TÂM	17/01/1991	Dinh dưỡng	8720401
110	NGUYỄN THỊ THƠM	17/06/1989	Dinh dưỡng	8720401
111	PHẠM THU THUY	23/04/1986	Dinh dưỡng	8720401
112	VÕ THỊ TRANG	04/04/1992	Dinh dưỡng	8720401
113	NGUYỄN THỊ THU TRANG	08/09/1998	Dinh dưỡng	8720401
114	NGUYỄN THỊ THUY TRANG	24/11/1982	Dinh dưỡng	8720401
115	LƯƠNG THỊ NGHĨA VÂN	19/05/1973	Dinh dưỡng	8720401
116	LÊ THỊ THU THẢO	23/08/1993	Dược lý và độc chất	8720118
117	HÀ THỊ YẾN	20/10/1992	Dược lý và độc chất	8720118
118	NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH	15/09/1993	Gây mê hồi sức	8720102
119	PHAN VĂN HẢO	24/09/1990	Gây mê hồi sức	8720102
120	TRỊNH THỊ HẰNG	11/01/1987	Gây mê hồi sức	8720102
121	NGUYỄN TRẦN HOÀNG	28/06/1993	Gây mê hồi sức	8720102
122	BÙI HỮU HÙNG	04/11/1990	Gây mê hồi sức	8720102
123	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	25/04/1990	Gây mê hồi sức	8720102
124	ĐÀM THỊ THU HƯỜNG	06/01/1993	Gây mê hồi sức	8720102

TT	Họ tên	Ngày sinh	Ngành/Chuyên ngành	Mã ngành
125	TRỊNH XUÂN KHÁNH	08/02/1993	Gây mê hồi sức	8720102
126	TRẦN ĐỨC MINH	13/12/1991	Gây mê hồi sức	8720102
127	NGUYỄN NGỌC TRÂM	04/02/1992	Gây mê hồi sức	8720102
128	PHẠM ANH TUẤN	14/05/1993	Gây mê hồi sức	8720102
129	NGUYỄN HẢI YẾN	16/10/1992	Gây mê hồi sức	8720102
130	NGUYỄN THỊ HẢI	01/11/1991	Khoa học y sinh (Giải phẫu bệnh)	8720101
131	LÊ VĂN KỶ	07/07/1990	Khoa học y sinh (Giải phẫu bệnh)	8720101
132	NGUYỄN THUY LINH	20/05/1994	Khoa học y sinh (Giải phẫu bệnh)	8720101
133	VŨ XUÂN NGỌC	08/02/1992	Khoa học y sinh (Giải phẫu bệnh)	8720101
134	NGUYỄN THỊ TÂM	21/05/1989	Khoa học y sinh (Giải phẫu bệnh)	8720101
135	NGUYỄN THẾ VIỆT	05/02/1995	Khoa học y sinh (Giải phẫu bệnh)	8720101
136	LẠI THỊ DUNG	06/03/1990	Nội khoa (Huyết học - Truyền máu)	8720107
137	ĐÀM THỊ HIỀN	05/08/1992	Nội khoa (Huyết học - Truyền máu)	8720107
138	HOÀNG THỊ HUYỀN	18/05/1991	Nội khoa (Huyết học - Truyền máu)	8720107
139	NGUYỄN TRUNG KIÊN	14/11/1989	Nội khoa (Huyết học - Truyền máu)	8720107
140	PHẠM THỊ PHƯƠNG LINH	30/12/1990	Nội khoa (Huyết học - Truyền máu)	8720107
141	NGUYỄN TRUNG NGHĨA	27/06/1991	Nội khoa (Huyết học - Truyền máu)	8720107
142	PHẠM THỊ YẾN THƯ	05/12/1990	Nội khoa (Huyết học - Truyền máu)	8720107
143	NGUYỄN THỊ XUÂN	28/03/1992	Nội khoa (Huyết học - Truyền máu)	8720107
144	NGUYỄN QUỲNH GIAO	30/10/1986	Khoa học y sinh (Hóa sinh y học)	8720101
145	VŨ THỊ NGỌC LAN	11/01/1994	Khoa học y sinh (Hóa sinh y học)	8720101
146	PHAN THANH NGUYỄN	23/06/1992	Khoa học y sinh (Hóa sinh y học)	8720101
147	LÊ ĐẶNG QUỲNH TRANG	12/06/1990	Khoa học y sinh (Hóa sinh y học)	8720101
148	NGUYỄN THỊ XUÂN	12/02/1993	Khoa học y sinh (Hóa sinh y học)	8720101
149	NGUYỄN HỮU VIỆT ANH	25/08/1989	Hồi sức cấp cứu và chống độc	8720103
150	NGUYỄN VĂN ÁNH	18/08/1993	Hồi sức cấp cứu và chống độc	8720103
151	NGUYỄN THỊ LAN CHI	16/11/1994	Hồi sức cấp cứu và chống độc	8720103
152	ĐỖ ĐÌNH ĐIỀU	29/04/1986	Hồi sức cấp cứu và chống độc	8720103
153	NGUYỄN MINH HẢI	26/12/1991	Hồi sức cấp cứu và chống độc	8720103
154	NGUYỄN THỊ MINH HẢO	22/08/1989	Hồi sức cấp cứu và chống độc	8720103
155	TRẦN THỊ THU HOÀI	21/01/1991	Hồi sức cấp cứu và chống độc	8720103
156	TRƯƠNG QUÝ HOÀNG	15/11/1990	Hồi sức cấp cứu và chống độc	8720103
157	TRẦN VŨ HUẤN	01/03/1993	Hồi sức cấp cứu và chống độc	8720103
158	TRẦN VĂN KHOA	11/08/1992	Hồi sức cấp cứu và chống độc	8720103
159	TRẦN THANH LÊ	07/12/1988	Hồi sức cấp cứu và chống độc	8720103
160	BUI TẤT LUẬT	05/11/1990	Hồi sức cấp cứu và chống độc	8720103
161	NGUYỄN THỊ MƠ	22/02/1990	Hồi sức cấp cứu và chống độc	8720103
162	PHẠM THỊ NGOAN	21/01/1991	Hồi sức cấp cứu và chống độc	8720103
163	NGUYỄN THỊ NGỌC	02/01/1993	Hồi sức cấp cứu và chống độc	8720103
164	NGUYỄN ĐĂNG QUÂN	21/09/1991	Hồi sức cấp cứu và chống độc	8720103
165	NGUYỄN HỮU HỒNG QUÂN	25/12/1991	Hồi sức cấp cứu và chống độc	8720103
166	VŨ ĐĂNG THÀNH	02/11/1991	Hồi sức cấp cứu và chống độc	8720103
167	LÊ ĐỨC THUẬN	07/11/1993	Hồi sức cấp cứu và chống độc	8720103

TT	Họ tên	Ngày sinh	Ngành/Chuyên ngành	Mã ngành
168	NGUYỄN THỊ THỦY	17/03/1991	Hồi sức cấp cứu và chống độc	8720103
169	NGUYỄN VĂN THUYỀN	03/07/1992	Hồi sức cấp cứu và chống độc	8720103
170	ĐỖ KHÁNH TOÀN	20/03/1992	Hồi sức cấp cứu và chống độc	8720103
171	NGUYỄN NGỌC UYÊN	15/11/1989	Hồi sức cấp cứu và chống độc	8720103
172	ĐỖ THỊ KIM YẾN	15/02/1990	Hồi sức cấp cứu và chống độc	8720103
173	NGUYỄN VĂN DUY	06/11/1996	Kỹ thuật y học xét nghiệm	8720601
174	HÀ VĂN ĐẠI	19/04/1990	Kỹ thuật y học xét nghiệm	8720601
175	NGUYỄN XUÂN ĐẠT	08/03/1994	Kỹ thuật y học xét nghiệm	8720601
176	NGUYỄN TẤN ĐỒNG	10/10/1987	Kỹ thuật y học xét nghiệm	8720601
177	NGUYỄN THỊ HỒNG HẠNH	23/05/1993	Kỹ thuật y học xét nghiệm	8720601
178	NGUYỄN LÊ DIỆU HIỀN	12/02/1994	Kỹ thuật y học xét nghiệm	8720601
179	NGUYỄN THỊ THANH HOA	28/11/1988	Kỹ thuật y học xét nghiệm	8720601
180	ĐỖ THANH HÒA	11/09/1992	Kỹ thuật y học xét nghiệm	8720601
181	NGUYỄN THỊ HUỆ	23/11/1993	Kỹ thuật y học xét nghiệm	8720601
182	LƯƠNG TÚ HUY	01/11/1994	Kỹ thuật y học xét nghiệm	8720601
183	ĐỖ THỊ THANH HUYỀN	09/07/1993	Kỹ thuật y học xét nghiệm	8720601
184	ĐẶNG MAI HƯỜNG	08/08/1993	Kỹ thuật y học xét nghiệm	8720601
185	NGUYỄN THỊ MỸ LỆ	21/11/1992	Kỹ thuật y học xét nghiệm	8720601
186	NGUYỄN TIẾN LONG	31/10/1993	Kỹ thuật y học xét nghiệm	8720601
187	ĐÀO THỊ QUỲNH NGÀ	09/01/1988	Kỹ thuật y học xét nghiệm	8720601
188	LÊ THỊ NGÀ	10/08/1986	Kỹ thuật y học xét nghiệm	8720601
189	TRẦN THỊ NGÂN	12/10/1987	Kỹ thuật y học xét nghiệm	8720601
190	BÙI THỊ BÍCH NGỌC	16/12/1991	Kỹ thuật y học xét nghiệm	8720601
191	NGUYỄN THỊ KIỀU OANH	29/05/1996	Kỹ thuật y học xét nghiệm	8720601
192	ĐINH THỊ OANH	15/11/1994	Kỹ thuật y học xét nghiệm	8720601
193	ĐỖ VĂN SƠN	12/09/1993	Kỹ thuật y học xét nghiệm	8720601
194	NGUYỄN THỊ THANH TÂM	07/10/1985	Kỹ thuật y học xét nghiệm	8720601
195	NGUYỄN TỔNG THỐNG	16/12/1997	Kỹ thuật y học xét nghiệm	8720601
196	VƯƠNG THỊ THUY	22/08/1992	Kỹ thuật y học xét nghiệm	8720601
197	NGUYỄN THỊ TRINH	22/05/1996	Kỹ thuật y học xét nghiệm	8720601
198	NGUYỄN VĂN TUỆ	12/11/1983	Kỹ thuật y học xét nghiệm	8720601
199	VŨ THỊ MAI ANH	04/10/1994	Khoa học y sinh (Mô phôi thai học)	8720101
200	VŨ THUYẾT HÀ	31/08/1995	Khoa học y sinh (Mô phôi thai học)	8720101
201	PHAN KHÁNH HÒA	08/07/1987	Khoa học y sinh (Mô phôi thai học)	8720101
202	PHẠM BÁ AN	13/04/1993	Ngoại khoa	8720104
203	NGUYỄN VĂN AN	02/12/1989	Ngoại khoa	8720104
204	GIANG LỘC ANH	11/10/1993	Ngoại khoa	8720104
205	HOÀNG TUẤN ANH	11/02/1992	Ngoại khoa	8720104
206	LÊ TUẤN ANH	02/07/1993	Ngoại khoa	8720104
207	NGÔ XUÂN BAN	13/05/1992	Ngoại khoa	8720104
208	TRẦN VĂN BÓN	13/03/1993	Ngoại khoa	8720104
209	HÀ TRUNG CHÍNH	14/02/1993	Ngoại khoa	8720104
210	PHẠM NGỌC DANH	03/07/1990	Ngoại khoa	8720104

TT	Họ tên	Ngày sinh	Ngành/Chuyên ngành	Mã ngành
211	LƯƠNG HỮU DŨNG	19/06/1991	Ngoại khoa	8720104
212	NGUYỄN TRUNG DŨNG	30/05/1991	Ngoại khoa	8720104
213	PHẠM NGỌC ĐÌNH	06/12/1993	Ngoại khoa	8720104
214	NGUYỄN ĐỨC ĐỒNG	02/02/1993	Ngoại khoa	8720104
215	NGUYỄN MINH ĐỨC	04/12/1990	Ngoại khoa	8720104
216	VŨ MINH ĐỨC	18/09/1992	Ngoại khoa	8720104
217	NGUYỄN NGỌC HẢI	27/07/1990	Ngoại khoa	8720104
218	NGUYỄN XUÂN HẢI	16/07/1991	Ngoại khoa	8720104
219	PHẠM TRUNG HIỆU	20/10/1989	Ngoại khoa	8720104
220	TRỊNH ĐỨC HOÀNG	16/12/1991	Ngoại khoa	8720104
221	NGUYỄN HỮU HÙNG	27/06/1991	Ngoại khoa	8720104
222	NGUYỄN MẠNH HÙNG	12/11/1992	Ngoại khoa	8720104
223	NGUYỄN MẠNH HÙNG	10/09/1990	Ngoại khoa	8720104
224	TRƯƠNG QUANG HUY	31/01/1992	Ngoại khoa	8720104
225	NGUYỄN VĂN KHUỐC	06/08/1991	Ngoại khoa	8720104
226	NGUYỄN TRUNG KIÊN	08/07/1993	Ngoại khoa	8720104
227	NGUYỄN VĂN LONG	21/11/1990	Ngoại khoa	8720104
228	NGUYỄN VĂN LỘC	25/12/1990	Ngoại khoa	8720104
229	PHẠM HẢI NAM	03/10/1990	Ngoại khoa	8720104
230	NGUYỄN THÀNH NAM	15/02/1993	Ngoại khoa	8720104
231	NGUYỄN TRUNG NAM	16/03/1990	Ngoại khoa	8720104
232	VŨ TÚ NAM	07/10/1989	Ngoại khoa	8720104
233	BUI TUẤN NAM	23/09/1990	Ngoại khoa	8720104
234	NGÔ VĂN NAM	19/05/1992	Ngoại khoa	8720104
235	TRẦN XUÂN NAM	06/04/1989	Ngoại khoa	8720104
236	PHẠM THỊ VIỆT NGỌC	10/04/1986	Ngoại khoa	8720104
237	VŨ KHANG NINH	29/11/1990	Ngoại khoa	8720104
238	CAO MINH PHÚC	10/10/1988	Ngoại khoa	8720104
239	ĐỒNG TIẾN PHÚC	06/11/1990	Ngoại khoa	8720104
240	PHẠM VŨ ANH QUANG	16/05/1993	Ngoại khoa	8720104
241	ĐẶNG VĂN QUANG	11/03/1993	Ngoại khoa	8720104
242	LÊ HỒNG QUÂN	01/02/1993	Ngoại khoa	8720104
243	TRẦN HỒNG QUÂN	20/08/1991	Ngoại khoa	8720104
244	TRẦN VĂN QUÝ	22/07/1990	Ngoại khoa	8720104
245	NGUYỄN BÁ SƠN	27/06/1994	Ngoại khoa	8720104
246	PHẠM VĂN TẤN	14/05/1991	Ngoại khoa	8720104
247	LÊ PHÙNG THÀNH	26/08/1993	Ngoại khoa	8720104
248	TRẦN XUÂN THẨM	18/10/1992	Ngoại khoa	8720104
249	NÔNG VĂN THỊNH	10/05/1992	Ngoại khoa	8720104
250	ĐINH CÔNG THUYỀN	02/09/1993	Ngoại khoa	8720104
251	NGUYỄN TRỌNG THỨC	07/09/1990	Ngoại khoa	8720104
252	ĐOÀN VĂN TOÀN	26/04/1990	Ngoại khoa	8720104
253	BUI VŨ TRUNG	27/02/1988	Ngoại khoa	8720104

TT	Họ tên	Ngày sinh	Ngành/Chuyên ngành	Mã ngành
254	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	03/12/1990	Ngoại khoa	8720104
255	LƯƠNG THANH TÚ	19/09/1993	Ngoại khoa	8720104
256	DƯƠNG VĂN TÚ	09/08/1992	Ngoại khoa	8720104
257	TRẦN QUỐC TUẤN	12/10/1993	Ngoại khoa	8720104
258	DƯƠNG SƠN TÙNG	20/02/1991	Ngoại khoa	8720104
259	VŨ THANH TÙNG	14/02/1992	Ngoại khoa	8720104
260	NGUYỄN XUÂN TUYẾN	21/12/1994	Ngoại khoa	8720104
261	BÙI MINH TÚ	21/12/1992	Ngoại khoa	8720104
262	GIANG LAN ANH	21/09/1990	Nhân khoa	8720157
263	LÊ QUANG HUY	27/11/1991	Nhân khoa	8720157
264	ĐỖ THỊ HUYỀN	15/08/1993	Nhân khoa	8720157
265	NINH QUANG HÙNG	08/08/1993	Nhân khoa	8720157
266	NGUYỄN PHÚ TRANG HÙNG	11/10/1993	Nhân khoa	8720157
267	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	16/07/1992	Nhân khoa	8720157
268	VŨ THU HƯƠNG	18/11/1992	Nhân khoa	8720157
269	PHƯƠNG THỊ LÀNH	25/09/1992	Nhân khoa	8720157
270	NGUYỄN VĂN MẠNH	04/05/1994	Nhân khoa	8720157
271	NGUYỄN NGỌC TRÂM	19/07/1989	Nhân khoa	8720157
272	VŨ VĂN TRƯỜNG	22/12/1990	Nhân khoa	8720157
273	BÙI THỊ NGỌC ANH	12/03/1992	Nội khoa (Lão khoa)	8720107
274	HOÀNG LÊ MINH	27/07/1987	Nội khoa (Lão khoa)	8720107
275	NGUYỄN QUANG QUÝ	05/08/1988	Nội khoa (Lão khoa)	8720107
276	NGUYỄN QUỐC AN	29/12/1992	Nội khoa	8720107
277	NGUYỄN THỊ HOÀNG ANH	11/03/1992	Nội khoa	8720107
278	NGUYỄN THỊ HỒNG ANH	09/06/1991	Nội khoa	8720107
279	TRẦN NGỌC ANH	01/01/1991	Nội khoa	8720107
280	NGUYỄN THỊ VIỆT CHINH	08/05/1989	Nội khoa	8720107
281	TRỊNH VĂN DƯƠNG	10/05/1991	Nội khoa	8720107
282	PHẠM TIẾN ĐẠT	05/10/1991	Nội khoa	8720107
283	TRẦN QUANG ĐĂNG	26/10/1989	Nội khoa	8720107
284	TRẦN THỊ NGỌC ĐIệp	10/03/1990	Nội khoa	8720107
285	LÊ QUỐC GIA	01/05/1990	Nội khoa	8720107
286	ĐỖ HƯƠNG GIANG	07/09/1989	Nội khoa	8720107
287	NGUYỄN VĂN GIANG	27/05/1989	Nội khoa	8720107
288	NGUYỄN QUANG HẢI	28/08/1989	Nội khoa	8720107
289	LÊ MINH HẰNG	05/01/1987	Nội khoa	8720107
290	BÙI THỊ HẰNG	23/10/1990	Nội khoa	8720107
291	NGUYỄN THỊ HẰNG	08/11/1990	Nội khoa	8720107
292	PHẠM THỊ THU HẰNG	27/05/1989	Nội khoa	8720107
293	TRẦN THỊ THANH HIỀN	22/06/1990	Nội khoa	8720107
294	NGUYỄN PHƯƠNG HOA	13/12/1992	Nội khoa	8720107
295	NGUYỄN THỊ THANH HOA	06/11/1989	Nội khoa	8720107
296	VŨ CÔNG HOAN	09/03/1991	Nội khoa	8720107

TT	Họ tên	Ngày sinh	Ngành/Chuyên ngành	Mã ngành
297	PHẠM VĂN HOÀN	16/05/1991	Nội khoa	8720107
298	LÊ VĂN HỢP	17/12/1992	Nội khoa	8720107
299	ĐINH THỊ HUỆ	10/09/1990	Nội khoa	8720107
300	LÊ THỊ HUỆ	17/01/1991	Nội khoa	8720107
301	VŨ PHI HÙNG	23/07/1993	Nội khoa	8720107
302	NGUYỄN ĐỨC HUY	28/02/1990	Nội khoa	8720107
303	NGUYỄN DUY HÙNG	08/01/1992	Nội khoa	8720107
304	TRẦN QUANG HÙNG	24/01/1990	Nội khoa	8720107
305	HOÀNG THỊ DIỄM HƯƠNG	16/06/1993	Nội khoa	8720107
306	LÊ THỊ HƯƠNG	28/12/1990	Nội khoa	8720107
307	ĐỖ THỊ HỒNG KHANH	07/09/1988	Nội khoa	8720107
308	TRẦN QUỐC KHÁNH	03/09/1991	Nội khoa	8720107
309	ĐINH THỊ KHUYỀN	12/12/1991	Nội khoa	8720107
310	ĐOÀN THỊ LEN	03/07/1986	Nội khoa	8720107
311	NGUYỄN THỊ THỦY LINH	06/02/1992	Nội khoa	8720107
312	ĐỖ ĐẮC LONG	30/05/1991	Nội khoa	8720107
313	BÙI VĂN LONG	18/03/1992	Nội khoa	8720107
314	TRỊNH THỊ LÝ	03/08/1989	Nội khoa	8720107
315	TRẦN THỊ THÚY MÙI	24/07/1991	Nội khoa	8720107
316	LÊ THỊ NẾT	01/01/1990	Nội khoa	8720107
317	NGUYỄN THỊ QUỲNH NGA	31/12/1989	Nội khoa	8720107
318	HOÀNG THỊ THANH NGA	01/10/1992	Nội khoa	8720107
319	VŨ THỊ TUYẾT NGÂN	23/02/1989	Nội khoa	8720107
320	VŨ THỊ BÍCH NGỌC	20/05/1986	Nội khoa	8720107
321	NGUYỄN THỊ BÍCH NGUYỆT	20/05/1989	Nội khoa	8720107
322	KHIẾU THỊ HỒNG NHUNG	01/07/1993	Nội khoa	8720107
323	LÊ THỊ LÊ NY	02/10/1989	Nội khoa	8720107
324	TRẦN THỊ BÍCH PHƯƠNG	01/11/1992	Nội khoa	8720107
325	LÊ THỊ PHƯƠNG	16/11/1993	Nội khoa	8720107
326	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG QUỲNH	05/03/1990	Nội khoa	8720107
327	NGUYỄN HUY TÂN	06/09/1991	Nội khoa	8720107
328	PHẠM THỊ PHƯƠNG THANH	22/12/1991	Nội khoa	8720107
329	VŨ THỊ NGỌC THÀNH	24/11/1991	Nội khoa	8720107
330	TRỊNH VĂN THÂN	22/10/1992	Nội khoa	8720107
331	NGUYỄN PHƯƠNG THỦY	16/07/1991	Nội khoa	8720107
332	TRẦN THỊ PHƯƠNG THỦY	02/07/1990	Nội khoa	8720107
333	NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	06/12/1991	Nội khoa	8720107
334	ĐỖ THỊ TRANG	01/03/1990	Nội khoa	8720107
335	NGUYỄN THU TRANG	15/05/1993	Nội khoa	8720107
336	HOÀNG THỊ THU TRANG	22/09/1992	Nội khoa	8720107
337	NGÔ XUÂN TRƯỜNG	05/09/1987	Nội khoa	8720107
338	LÊ ANH TUẤN	15/05/1993	Nội khoa	8720107
339	NGUYỄN MẠNH TUẤN	22/10/1990	Nội khoa	8720107

TT	Họ tên	Ngày sinh	Ngành/Chuyên ngành	Mã ngành
340	NGUYỄN MẠNH TUỜNG	06/07/1991	Nội khoa	8720107
341	LÊ XUÂN VỤNG	01/03/1991	Nội khoa	8720107
342	NGUYỄN NGỌC VĨNH YÊN	02/08/1992	Nội khoa	8720107
343	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	16/07/1981	Nội khoa (Tim mạch)	8720107
344	TRỊNH THÁI BẢO	12/08/1992	Nội khoa (Tim mạch)	8720107
345	BUI NGUYỄN ĐỨC	17/04/1992	Nội khoa (Tim mạch)	8720107
346	VŨ THỊ THẢO HIỀN	15/01/1989	Nội khoa (Tim mạch)	8720107
347	HOÀNG THỊ THANH HOA	12/08/1993	Nội khoa (Tim mạch)	8720107
348	TRẦN THANH HUYỀN	01/04/1989	Nội khoa (Tim mạch)	8720107
349	NGUYỄN THỊ HUYỀN	28/03/1991	Nội khoa (Tim mạch)	8720107
350	VŨ NGỌC LINH	31/07/1991	Nội khoa (Tim mạch)	8720107
351	ĐẶNG VIỆT LONG	29/03/1991	Nội khoa (Tim mạch)	8720107
352	TRẦN HỮU NGHỊ	18/05/1989	Nội khoa (Tim mạch)	8720107
353	NGUYỄN KHẮC NGHIÊM	17/12/1991	Nội khoa (Tim mạch)	8720107
354	PHẠM THANH NHAN	08/04/1991	Nội khoa (Tim mạch)	8720107
355	LẠI TẤN PHÁT	01/10/1988	Nội khoa (Tim mạch)	8720107
356	ĐỖ ĐỨC THỊNH	09/11/1993	Nội khoa (Tim mạch)	8720107
357	LÊ VĂN TRƯỜNG	02/01/1990	Nội khoa (Tim mạch)	8720107
358	NGUYỄN BÁ TUẤN	04/10/1987	Nội khoa (Tim mạch)	8720107
359	NGUYỄN TUẤN VIỆT	30/12/1992	Nội khoa (Tim mạch)	8720107
360	NGUYỄN THỊ VỸ	13/05/1985	Nội khoa (Tim mạch)	8720107
361	NGÔ BÁ ANH	01/02/1993	Ngoại khoa (Phẫu thuật tạo hình)	8720104
362	TRẦN DOÃN LÂM	04/02/1990	Ngoại khoa (Phẫu thuật tạo hình)	8720104
363	NGUYỄN NGỌC ÁNH	30/01/1991	Nội khoa (Phục hồi chức năng)	8720107
364	HÀ THỊ HƯƠNG GIANG	21/04/1991	Nội khoa (Phục hồi chức năng)	8720107
365	TRỊNH THU HIỀN	29/09/1989	Nội khoa (Phục hồi chức năng)	8720107
366	NGUYỄN THỊ KHOA	25/11/1990	Nội khoa (Phục hồi chức năng)	8720107
367	LÊ THỊ MAI	15/04/1993	Nội khoa (Phục hồi chức năng)	8720107
368	HỒNG KHÁNH SƠN	02/01/1994	Nội khoa (Phục hồi chức năng)	8720107
369	TRẦN PHƯƠNG ANH	19/12/1995	Quản lý bệnh viện	8720802
370	NGUYỄN THỊ THÚY ANH	31/12/1993	Quản lý bệnh viện	8720802
371	TRẦN THỊ DIỆP	03/03/1988	Quản lý bệnh viện	8720802
372	LÊ MINH ĐẠT	11/10/1996	Quản lý bệnh viện	8720802
373	NGUYỄN NGỌC LINH	05/01/1981	Quản lý bệnh viện	8720802
374	NGUYỄN BÁ LONG	22/08/1987	Quản lý bệnh viện	8720802
375	NINH THỊ LY	03/04/1989	Quản lý bệnh viện	8720802
376	LƯƠNG QUỲNH NHƯ	24/12/1995	Quản lý bệnh viện	8720802
377	NGUYỄN MINH NÔNG	26/02/1985	Quản lý bệnh viện	8720802
378	NGUYỄN THỊ THANH THẢO	03/03/1991	Quản lý bệnh viện	8720802
379	NGUYỄN THỊ THU TRANG	12/10/1996	Quản lý bệnh viện	8720802
380	PHẠM VIỆT ANH	23/07/1993	Răng - Hàm - Mặt	8720501
381	VŨ ĐÌNH CÔNG	30/12/1992	Răng - Hàm - Mặt	8720501
382	HOÀNG THỊ DUYÊN	19/08/1994	Răng - Hàm - Mặt	8720501

TT	Họ tên	Ngày sinh	Ngành/Chuyên ngành	Mã ngành
383	NGUYỄN VĂN ĐÔNG	16/12/1990	Răng - Hàm - Mặt	8720501
384	VŨ THỊ QUỲNH HÀ	11/02/1981	Răng - Hàm - Mặt	8720501
385	BÙI THẾ HÀ	22/04/1993	Răng - Hàm - Mặt	8720501
386	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	09/07/1994	Răng - Hàm - Mặt	8720501
387	NGUYỄN QUANG KHẢI	14/04/1983	Răng - Hàm - Mặt	8720501
388	NGUYỄN BÁ KIÊN	14/12/1987	Răng - Hàm - Mặt	8720501
389	TRẦN THỊ THANH MAI	18/12/1990	Răng - Hàm - Mặt	8720501
390	VŨ THỊ BÍCH NGUYỆT	22/05/1985	Răng - Hàm - Mặt	8720501
391	NGUYỄN THỊ OANH	08/09/1988	Răng - Hàm - Mặt	8720501
392	LƯU MINH QUANG	07/04/1990	Răng - Hàm - Mặt	8720501
393	ĐINH THỊ THÁI	13/05/1986	Răng - Hàm - Mặt	8720501
394	ĐẬU ĐỨC THÀNH	28/11/1991	Răng - Hàm - Mặt	8720501
395	LÊ ĐỨC THÀNH	15/04/1982	Răng - Hàm - Mặt	8720501
396	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	08/09/1985	Răng - Hàm - Mặt	8720501
397	NGUYỄN TRƯỜNG THỊNH	30/10/1992	Răng - Hàm - Mặt	8720501
398	LÊ THỊ THU	28/12/1988	Răng - Hàm - Mặt	8720501
399	NGUYỄN HUYỀN TRANG	28/11/1992	Răng - Hàm - Mặt	8720501
400	NGUYỄN THỊ TRANG	27/10/1993	Răng - Hàm - Mặt	8720501
401	HOÀNG THỊ THU TRANG	03/01/1992	Răng - Hàm - Mặt	8720501
402	KHIẾU THANH TÙNG	24/03/1990	Răng - Hàm - Mặt	8720501
403	KIỀU DUY ANH	26/07/1992	Sản phụ khoa	8720105
404	PHÙNG NGỌC ANH	11/03/1990	Sản phụ khoa	8720105
405	NGUYỄN THỊ QUỲNH ANH	30/12/1990	Sản phụ khoa	8720105
406	ĐINH THẾ ANH	16/09/1991	Sản phụ khoa	8720105
407	VŨ THANH BÌNH	19/12/1992	Sản phụ khoa	8720105
408	NGUYỄN TRẦN CHUNG	31/05/1982	Sản phụ khoa	8720105
409	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	14/08/1991	Sản phụ khoa	8720105
410	NGUYỄN THỊ THU GIANG	20/10/1994	Sản phụ khoa	8720105
411	TRẦN THU HÀ	08/12/1993	Sản phụ khoa	8720105
412	NGUYỄN VIỆT HOÀNG	02/11/1991	Sản phụ khoa	8720105
413	NGUYỄN KIM HUỆ	01/10/1992	Sản phụ khoa	8720105
414	VŨ ĐÌNH HÙNG	17/03/1992	Sản phụ khoa	8720105
415	PHẠM VĂN HÙNG	13/03/1988	Sản phụ khoa	8720105
416	HOÀNG THỊ HUYỀN	12/09/1991	Sản phụ khoa	8720105
417	DOÃN VĂN KHU	01/08/1990	Sản phụ khoa	8720105
418	VŨ ANH MINH	28/07/1991	Sản phụ khoa	8720105
419	BÙI THỊ VIỆT NGÀ	26/08/1990	Sản phụ khoa	8720105
420	NGUYỄN TIỀN PHONG	27/08/1992	Sản phụ khoa	8720105
421	NGUYỄN XUÂN SANG	16/02/1990	Sản phụ khoa	8720105
422	VŨ HỒNG THẮNG	16/06/1985	Sản phụ khoa	8720105
423	DƯƠNG ĐỨC THẮNG	10/06/1990	Sản phụ khoa	8720105
424	BÙI SƠN THẮNG	11/02/1992	Sản phụ khoa	8720105
425	TRẦN THỊ MINH THU	16/09/1989	Sản phụ khoa	8720105

TT	Họ tên	Ngày sinh	Ngành/Chuyên ngành	Mã ngành
426	NGUYỄN THỊ THU	06/10/1989	Sản phụ khoa	8720105
427	TRƯƠNG VĂN THUYỀN	15/03/1990	Sản phụ khoa	8720105
428	NGUYỄN THỊ TRANG	24/11/1994	Sản phụ khoa	8720105
429	LÂM QUANG TÙNG	12/10/1993	Sản phụ khoa	8720105
430	ĐOÀN THANH TÙNG	18/08/1991	Sản phụ khoa	8720105
431	TRẦN THỊ THU HẰNG	07/05/1992	Khoa học y sinh (SLB-Miễn dịch)	8720101
432	TRẦN THỊ HỒNG NGỌC	19/07/1993	Khoa học y sinh (SLB-Miễn dịch)	8720101
433	CÙ TUẤN ANH	12/10/1994	Tai - Mũi- Họng	8720155
434	ĐÀO NGỌC CHẤT	14/05/1989	Tai - Mũi- Họng	8720155
435	ĐỖ HOÀNG QUỐC CHINH	29/08/1994	Tai - Mũi- Họng	8720155
436	TRƯƠNG MẠNH CƯỜNG	20/01/1991	Tai - Mũi- Họng	8720155
437	ĐÀM THANH HIẾU	15/09/1988	Tai - Mũi- Họng	8720155
438	PHẠM VĂN HUY	05/11/1993	Tai - Mũi- Họng	8720155
439	ĐÀO QUỐC KHÁNH	27/08/1994	Tai - Mũi- Họng	8720155
440	NGUYỄN THÀNH LUÂN	29/10/1991	Tai - Mũi- Họng	8720155
441	VŨ LAN PHƯƠNG	31/01/1990	Tai - Mũi- Họng	8720155
442	NGUYỄN TUẤN QUANG	24/12/1992	Tai - Mũi- Họng	8720155
443	NGUYỄN THỊ THU	25/06/1993	Tai - Mũi- Họng	8720155
444	PHẠM THANH THUY	18/12/1990	Tai - Mũi- Họng	8720155
445	NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	22/06/1993	Tai - Mũi- Họng	8720155
446	NGUYỄN HỮU TRUNG	20/11/1991	Tai - Mũi- Họng	8720155
447	ĐẶNG XUÂN VINH	19/02/1989	Tai - Mũi- Họng	8720155
448	TRẦN THỊ THU HÀ	15/01/1988	Nội khoa (Tâm thần)	8720107
449	ĐOÀN THỊ HUỆ	01/03/1982	Nội khoa (Tâm thần)	8720107
450	LÊ THỊ CẨM HƯƠNG	01/01/1992	Nội khoa (Tâm thần)	8720107
451	PHẠM THÀNH LUÂN	09/08/1990	Nội khoa (Tâm thần)	8720107
452	NGUYỄN VĂN PHI	06/07/1987	Nội khoa (Tâm thần)	8720107
453	BUI VĂN SAN	25/02/1985	Nội khoa (Tâm thần)	8720107
454	PHÙNG NGỌC THƯƠNG	20/04/1992	Nội khoa (Tâm thần)	8720107
455	NGUYỄN HOÀNG YẾN	28/02/1986	Nội khoa (Tâm thần)	8720107
456	HỒ CÔNG DŨNG	13/04/1989	Nội khoa (Thần kinh)	8720107
457	LÊ DUY HOÀN	17/12/1992	Nội khoa (Thần kinh)	8720107
458	LÊ THỊ THU HỒNG	27/02/1988	Nội khoa (Thần kinh)	8720107
459	VÕ THẾ NHÂN	11/08/1991	Nội khoa (Thần kinh)	8720107
460	LÊ BÁ TUẤN	12/12/1991	Nội khoa (Thần kinh)	8720107
461	LÊ XUÂN TÙNG	08/10/1993	Nội khoa (Thần kinh)	8720107
462	NGUYỄN QUANG HUY	13/03/1993	Bệnh TN & các bệnh ND (Truyền nhiễm)	8720109
463	HUỲNH THỊ THẢO	07/05/1992	Bệnh TN & các bệnh ND (Truyền nhiễm)	8720109
464	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THÚY	17/05/1989	Bệnh TN & các bệnh ND (Truyền nhiễm)	8720109
465	ĐẶNG BÁ TỎA	17/08/1992	Bệnh TN & các bệnh ND (Truyền nhiễm)	8720109
466	NGÔ VĂN VINH	13/09/1991	Bệnh TN & các bệnh ND (Truyền nhiễm)	8720109
467	NGUYỄN HOÀNG ANH	19/03/1990	Ung thư	8720108
468	HOÀNG VĂN CHẢI	29/08/1990	Ung thư	8720108

TT	Họ tên	Ngày sinh	Ngành/Chuyên ngành	Mã ngành
469	HỒ VĂN CHIẾN	19/07/1991	Ung thư	8720108
470	NGUYỄN VĂN CÔNG	03/11/1990	Ung thư	8720108
471	ĐINH KHẮC DŨNG	28/12/1990	Ung thư	8720108
472	NGUYỄN QUANG DUY	02/10/1993	Ung thư	8720108
473	ĐOÀN HỮU ĐẠT	12/08/1989	Ung thư	8720108
474	PHẠM ĐẮC ĐÔNG	21/12/1991	Ung thư	8720108
475	TRỊNH THU HÀ	25/08/1992	Ung thư	8720108
476	PHẠM THỊ HẰNG	11/05/1991	Ung thư	8720108
477	NGUYỄN THỊ HOA	06/01/1993	Ung thư	8720108
478	NGUYỄN THỊ HÒA	12/01/1986	Ung thư	8720108
479	TRẦN THỊ HOÀI	06/08/1990	Ung thư	8720108
480	ĐỖ ĐỨC HUY HOÀNG	20/02/1990	Ung thư	8720108
481	NGUYỄN THỊ HOA HỒNG	28/04/1992	Ung thư	8720108
482	VŨ THANH HUYỀN	21/11/1993	Ung thư	8720108
483	DƯƠNG NGUYỄN KHÁNH LINH	11/11/1993	Ung thư	8720108
484	NGUYỄN THỊ LỰU	04/06/1985	Ung thư	8720108
485	TRẦN HOÀNG NAM	28/05/1992	Ung thư	8720108
486	NGUYỄN THỊ NGÀ	12/10/1988	Ung thư	8720108
487	NGUYỄN VIỆT NGHĨA	28/05/1992	Ung thư	8720108
488	LÊ NGỌC PHÚC	28/09/1988	Ung thư	8720108
489	NGUYỄN HỒNG PHƯƠNG	08/11/1991	Ung thư	8720108
490	NGÔ THỊ PHƯỢNG	25/05/1992	Ung thư	8720108
491	ĐÀM MINH SƠN	28/05/1988	Ung thư	8720108
492	LÊ HUY THẮNG	20/02/1991	Ung thư	8720108
493	VŨ VĂN THỊNH	20/07/1990	Ung thư	8720108
494	NGUYỄN THỊ THANH THÚY	22/01/1989	Ung thư	8720108
495	NGUYỄN THỊ HOÀI THƯƠNG	10/05/1993	Ung thư	8720108
496	TRƯƠNG XUÂN TIẾN	19/03/1990	Ung thư	8720108
497	NGUYỄN THU TRANG	19/05/1990	Ung thư	8720108
498	ĐỖ ANH TÚ	02/01/1992	Ung thư	8720108
499	NGUYỄN NGỌC TUỆ	28/08/1992	Ung thư	8720108
500	NGÔ VĂN TỶ	08/08/1989	Ung thư	8720108
501	NGUYỄN CHÍ VIỆT	30/09/1987	Ung thư	8720108
502	HOÀNG THỊ KIM ANH	26/03/1983	Khoa học y sinh (Vi sinh)	8720101
503	NGUYỄN THỊ LƯƠNG	12/01/1991	Khoa học y sinh (Vi sinh)	8720101
504	PHÙNG THỊ KHÁNH THẢO	20/02/1992	Khoa học y sinh (Vi sinh)	8720101
505	BUI THỊ THỦY	29/01/1993	Khoa học y sinh (Vi sinh)	8720101
506	TRỊNH KIỀU ANH	24/10/1993	Y học cổ truyền	8720115
507	NGUYỄN VĂN ĐƯƠNG	14/09/1990	Y học cổ truyền	8720115
508	LÊ THỊ THU HÀ	28/08/1987	Y học cổ truyền	8720115
509	PHẠM THỊ HUỆ	11/04/1993	Y học cổ truyền	8720115
510	ĐỖ THỊ THU HUYỀN	25/10/1988	Y học cổ truyền	8720115
511	NGUYỄN MẠNH KỶ	08/06/1988	Y học cổ truyền	8720115

TT	Họ tên	Ngày sinh	Ngành/Chuyên ngành	Mã ngành
512	NGUYỄN THỊ NGỌC LINH	24/09/1992	Y học cổ truyền	8720115
513	NGHIÊM VĂN MẠNH	15/05/1983	Y học cổ truyền	8720115
514	BÙI THỊ MẾN	05/08/1991	Y học cổ truyền	8720115
515	TRẦN NGỌC NGHĨA	04/12/1991	Y học cổ truyền	8720115
516	VŨ THỊ NGUYỆT	25/02/1991	Y học cổ truyền	8720115
517	HOÀNG THỊ MINH PHƯƠNG	15/12/1989	Y học cổ truyền	8720115
518	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	29/04/1992	Y học cổ truyền	8720115
519	NGUYỄN HỒNG THÁI	23/10/1993	Y học cổ truyền	8720115
520	NGUYỄN THỊ THÁI	09/11/1991	Y học cổ truyền	8720115
521	NGUYỄN VĂN TOÀN	30/06/1991	Y học cổ truyền	8720115
522	ĐINH THỊ THU TRANG	13/12/1988	Y học cổ truyền	8720115
523	TRẦN ĐĂNG TRUNG	15/03/1989	Y học cổ truyền	8720115
524	LÒ THÚY AN	01/08/1989	Y học dự phòng	8720163
525	LÊ THỊ HOÀNG ANH	13/11/1995	Y học dự phòng	8720163
526	NGUYỄN VIỆT ANH	08/10/1991	Y học dự phòng	8720163
527	NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH	06/01/1994	Y học dự phòng	8720163
528	NGUYỄN VĂN DŨNG	27/11/1988	Y học dự phòng	8720163
529	PHẠM THỊ THUY DƯƠNG	28/05/1994	Y học dự phòng	8720163
530	PHÙNG QUỐC ĐIỆP	04/02/1984	Y học dự phòng	8720163
531	ĐOÀN THỊ HUỆ	13/01/1988	Y học dự phòng	8720163
532	ĐỖ DUY HÙNG	23/04/1989	Y học dự phòng	8720163
533	NGUYỄN MẠNH HÙNG	10/11/1990	Y học dự phòng	8720163
534	ĐẶNG THỊ HƯƠNG	15/10/1993	Y học dự phòng	8720163
535	HÀ TÙNG LÂM	21/08/1988	Y học dự phòng	8720163
536	NGUYỄN THỊ LINH	02/09/1987	Y học dự phòng	8720163
537	TRẦN THỊ LÝ	05/08/1991	Y học dự phòng	8720163
538	CHU THỊ BÍCH NGỌC	17/06/1991	Y học dự phòng	8720163
539	NGUYỄN HOÀNG NGUYỄN	01/12/1994	Y học dự phòng	8720163
540	ĐÀO THỊ PHÚC	13/03/1991	Y học dự phòng	8720163
541	BÙI THỊ MINH PHƯƠNG	25/05/1989	Y học dự phòng	8720163
542	PHẠM ĐĂNG QUÂN	29/10/1983	Y học dự phòng	8720163
543	PHẠM THỊ QUÂN	25/03/1989	Y học dự phòng	8720163
544	CHU TIẾN THÀNH	12/05/1994	Y học dự phòng	8720163
545	ĐẬU THỊ BÍCH THẢO	15/08/1991	Y học dự phòng	8720163
546	TRẦN THỊ PHƯƠNG THẢO	16/05/1991	Y học dự phòng	8720163
547	TRẦN VĂN THIÊN	02/08/1988	Y học dự phòng	8720163
548	PHẠM THỊ THOA	26/11/1987	Y học dự phòng	8720163
549	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THUY	13/08/1988	Y học dự phòng	8720163
550	LÊ THỊ THU	24/09/1992	Y học dự phòng	8720163
551	LÊ THỊ QUỲNH TRANG	04/02/1991	Y học dự phòng	8720163
552	NGUYỄN THỊ TRANG	11/01/1992	Y học dự phòng	8720163
553	NGÔ VĂN TRỊ	15/05/1984	Y học dự phòng	8720163
554	NGÔ TRÍ TUẤN	04/10/1984	Y học dự phòng	8720163

TT	Họ tên	Ngày sinh	Ngành/Chuyên ngành	Mã ngành
555	ĐỖ XUÂN TÙNG	28/10/1990	Y học dự phòng	8720163
556	NGUYỄN ĐÌNH VẠN	15/07/1986	Y học dự phòng	8720163
557	ĐOÀN THỊ ANH VÂN	12/06/1990	Y học dự phòng	8720163
558	LÊ THỊ YẾN	10/06/1995	Y học dự phòng	8720163
559	DƯƠNG HOÀNG THÀNH	18/02/1993	Y học gia đình	8729001
560	LƯƠNG ĐÌNH BÌNH	24/12/1987	ĐQ&YHHN (Y học hạt nhân)	8720111
561	TRẦN VĂN GIANG	13/02/1987	ĐQ&YHHN (Y học hạt nhân)	8720111
562	NGUYỄN HOÀNG THẢO GIANG	08/12/1995	Khoa học y sinh (Y sinh học di truyền)	8720101
563	PHAN NGỌC PHÚ QUÝ	24/06/1993	Khoa học y sinh (Y sinh học di truyền)	8720101
564	TRẦN THỊ THUY	21/12/1995	Khoa học y sinh (Y sinh học di truyền)	8720101
565	BÙI THỊ NGỌC ANH	25/06/1987	Y tế công cộng	8720101
566	LÊ THỊ NGỌC ANH	19/06/1995	Y tế công cộng	8720101
567	NGUYỄN HẢI CHUNG	26/01/1986	Y tế công cộng	8720101
568	ĐÀO HUY CỬ	11/09/1995	Y tế công cộng	8720101
569	NGUYỄN THỊ HẢI HÀ	10/03/1989	Y tế công cộng	8720101
570	ĐẶNG THỊ HẢI	18/08/1996	Y tế công cộng	8720101
571	TRƯƠNG VĂN HẢI	15/01/1985	Y tế công cộng	8720101
572	VŨ THỊ MỸ HẠNH	05/05/1994	Y tế công cộng	8720101
573	NGUYỄN THỊ HOÀI	10/10/1988	Y tế công cộng	8720101
574	LÊ THANH HUYỀN	26/03/1990	Y tế công cộng	8720101
575	PHẠM THỊ MAI HƯƠNG	20/10/1994	Y tế công cộng	8720101
576	NGUYỄN THỊ KIM LINH	02/02/1986	Y tế công cộng	8720101
577	NGUYỄN THÀNH LỢI	13/01/1990	Y tế công cộng	8720101
578	VŨ THỊ LÝ	30/06/1990	Y tế công cộng	8720101
579	TRẦN NGỌC PHƯƠNG MAI	26/06/1987	Y tế công cộng	8720101
580	ĐINH DIỄM MY	10/12/1996	Y tế công cộng	8720101
581	PHẠM THỊ NGÀ	14/06/1993	Y tế công cộng	8720101
582	ĐỖ THỊ THANH	19/02/1985	Y tế công cộng	8720101
583	PHẠM VĂN TRƯỜNG	22/06/1992	Y tế công cộng	8720101

Ấn định 583 (năm trăm tám mươi ba) thí sinh